

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Số TT	Chỉ tiêu	Quý 1	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.401.095.378	29.401.095.378
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.401.095.378	29.401.095.378
4	Giá vốn hàng bán	24.786.220.789	24.786.220.789
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.614.874.589	4.614.874.589
6	Doanh thu hoạt động tài chính	860.042.250	860.042.250
7	Chi phí tài chính	793.512.139	793.512.139
8	Chi phí bán hàng	282.665.279	282.665.279
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.589.078.282	5.589.078.282
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.190.338.861)	(1.190.338.861)
11	Thu nhập khác	17.766.618	17.766.618
12	Chi phí khác	1.199.846	1.199.846
13	Lợi nhuận khác	16.566.772	16.566.772
14	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.173.772.089)	(1.173.772.089)
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(262.963.079)	(262.963.079)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(910.809.010)	(910.809.010)
18	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	-
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-
20	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (*)	-	-